

Một số cách tiếp cận lý thuyết trong nghiên cứu khu vực kinh tế phi chính thức

Vũ Thị Cúc

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Trên cơ sở tổng quan các nghiên cứu đã công bố, bài viết trình bày một số quan điểm về cách tiếp cận lý thuyết trong nghiên cứu khu vực kinh tế chính thức. Nghiên cứu này cho thấy để nhận diện đầy đủ về khu vực phi kinh tế các nhà nghiên cứu có thể áp dụng từng cách tiếp cận riêng lẻ hoặc kết hợp nhiều cách tiếp cận khác nhau tùy thuộc vào vấn đề nghiên cứu và bối cảnh kinh tế ở mỗi quốc gia. Việc áp dụng các quan điểm lý thuyết sẽ góp phần làm rõ vai trò quan trọng và những khác biệt về điều kiện làm việc giữa hai khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức, đặc biệt với hướng tiếp cận giới sẽ làm rõ tính chất việc làm đa dạng của phụ nữ trong khu vực phi chính thức.

Từ khóa: Giới; Giới và việc làm; Lao động - việc làm; Kinh tế phi chính thức, Giới và việc làm.

1. Giới thiệu

Khu vực kinh tế phi chính thức có một vị trí và vai trò quan trọng trong nền kinh tế quốc dân ở các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam. Ở các nước này, khu vực kinh tế phi chính thức có vai trò rất quan trọng trong xóa đói giảm nghèo, tạo thêm việc làm mới nhiều nhất, tăng thu nhập cho người dân nghèo sống ở nông thôn và thành thị, góp phần ổn định chính trị - xã hội và hỗ trợ tích cực cho khu vực kinh tế chính thức. Tuy là một

khu vực chủ chốt trong nền kinh tế nhưng cho đến nay ở nhiều quốc gia, trong đó có cả Việt Nam, khu vực kinh tế này chưa nhận được sự quan tâm thỏa đáng về mặt chính sách và thậm chí còn nhận được những đánh giá tiêu cực (Jean-Pierre Cling và cộng sự, 2012; Mireille Razafindrakoto, 2012).

Kể từ khi thực hiện chính sách Đổi Mới vào năm 1986, nền kinh tế Việt Nam đã chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hóa, tập trung sang nền kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Việc tự do hóa nền kinh tế, cùng với việc đẩy mạnh công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của khu vực kinh tế tư nhân (Nguyễn Bá Ngọc, Trần Văn Hoan, 2002). Những điều kiện này đã thúc đẩy khu vực phi chính thức ở Việt Nam phát triển mạnh mẽ và đang đóng vai trò quan trọng trong giải quyết vấn đề việc làm trên thị trường lao động.

Dưới góc độ nghiên cứu khoa học, hiện còn rất ít những công trình nghiên cứu cơ bản về khu vực kinh tế này. Kể từ khi khái niệm khu vực kinh tế phi chính thức được đưa vào sử dụng vào đầu những năm 1970 đã dấy lên các cuộc tranh luận sôi nổi về mặt học thuật và phương pháp luận trong việc làm rõ các khái niệm chuẩn quốc tế liên quan đến việc làm phi chính thức, cơ sở lý thuyết về khu vực phi chính thức trong hệ thống tài khoản quốc gia... (Jean-Pierre Cling và cộng sự, 2012; Nguyễn Thị Thu Huyền và Nguyễn Hữu Chí, 2008; Nguyễn Hữu Chí, Nguyễn Thị Thu Huyền, 2012). Nhìn chung các nghiên cứu quốc tế về chủ đề này đã áp dụng riêng lẻ hoặc kết hợp các cách tiếp cận lý thuyết để tìm hiểu về nguồn gốc của tính phi chính thức, nguyên nhân và bản chất của khu vực phi chính thức, cũng như mối liên hệ của nó với khu vực chính thức. Và cho đến nay các quan điểm và cách tiếp cận về khu vực phi chính thức vẫn được tiếp tục tranh luận và mở ra những hướng tiếp cận mới.

Dựa trên việc tổng quan một số công trình nghiên cứu đã công bố về vấn đề này, bài viết trình bày một số quan điểm về cách tiếp cận lý thuyết chủ yếu và cách tiếp cận giới trong nghiên cứu về kinh tế chính thức. Tìm hiểu việc áp dụng các quan điểm lý thuyết trong nghiên cứu kinh tế phi chính thức sẽ góp phần làm rõ vai trò quan trọng và sự năng động của khu vực kinh tế này trong nền kinh tế quốc gia, những khác biệt về điều kiện làm việc giữa hai khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức, cũng như góp phần làm rõ tính chất việc làm đa dạng của phụ nữ trong khu vực phi chính thức, đóng góp cơ sở cho việc xây dựng chính sách lao động việc làm, thu hẹp khoảng cách giữa khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức.

2. Một số cách tiếp cận lý thuyết chủ đạo

Khu vực kinh tế phi chính thức được nghiên cứu ở từ nhiều góc độ và bằng phương pháp của nhiều ngành khoa học xã hội như xã hội học, nhân học... nhưng phần lớn là các nghiên cứu tiếp cận từ kinh tế học. Cho đến giữa những năm 1990, có ba quan điểm chính bản về nguồn gốc và nguyên nhân của tính phi chính thức trong các nghiên cứu kinh tế: nhị nguyên, cấu

trúc và pháp lý (Marc Bacchetta và cộng sự, 2013; Mireille Razafindrakoto và cộng sự, 2013). Cụ thể như sau:

1) *Trường phái nhị nguyên* thống trị trong thập niên 1960 và 1970, có nguồn gốc lý thuyết từ các nghiên cứu của Lewis vào năm 1954 và của Harris và Todaro năm 1970. Các nhà nghiên cứu nhị nguyên coi khu vực phi chính thức là phân khúc thấp kém của thị trường lao động hai phân khúc, không có liên kết trực tiếp với khu vực kinh tế chính thức. Đó là khu vực rơi rớt lại, phát sinh trong quá trình chuyển đổi nền kinh tế đang phát triển và nó tồn tại là vì khu vực kinh tế chính thức không thể cung cấp đủ cơ hội việc làm cho một bộ phận lực lượng lao động (Marc Bacchetta và các tác giả khác, 2013). Quan điểm nhị nguyên Harris và Todaro dựa trên giả định rằng người lao động nghèo bị buộc phải làm việc trong khu vực phi chính thức do khu vực chính thức không tạo đủ việc làm để đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động (Mireille Razafindrakoto và cộng sự, 2013). Ngoài ra, Jean-pierre Cling và cộng sự (2013) còn cho rằng phương pháp tiếp cận “hai mặt/kép” còn được sử dụng trong các nghiên cứu của Lewis năm 1954 và Harris-Todaro năm 1970 để tìm hiểu về nguồn gốc và nguyên nhân của tính phi chính thức trong các nghiên cứu kinh tế. Phương pháp này dựa trên mô hình thị trường lao động kép, trong đó khu vực phi chính thức được coi như một thành phần còn sót lại của thị trường lao động và không có liên hệ với khu vực kinh tế chính thức; khu vực kinh tế mới sinh này tồn tại chỉ vì khu vực kinh tế chính thức không có khả năng tạo đủ việc làm cho người lao động.

2) *Trường phái cấu trúc* (hay còn gọi là phương pháp tiếp cận “cơ cấu”) khác với trường phái nhị nguyên ở chỗ nhấn mạnh đến sự phân cấp sản xuất và các mối liên kết và phụ thuộc lẫn nhau giữa khu vực chính thức và phi chính thức. Theo tinh thần của chủ nghĩa Mác thì khu vực phi chính thức tham gia vào hệ thống tư bản chủ nghĩa theo quan hệ phụ thuộc (Jean-pierre Cling và cộng sự, 2013). Còn Marc Bacchetta và các tác giả khác (2013) thì cho rằng nếu theo quan điểm cấu trúc, tốc độ tăng trưởng khó có thể loại bỏ các mối quan hệ sản xuất phi chính thức, vốn gắn chặt với sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Vì khu vực này cung cấp lao động và sản phẩm giá rẻ cho các doanh nghiệp thuộc khu vực chính thức, đồng thời làm tăng tính linh hoạt và khả năng cạnh tranh của nền kinh tế.

3) *Cuối cùng là trường phái pháp lý* (hay còn phương pháp tiếp cận mang tính pháp lý), mà đại diện của nó là Hernando de Soto vào những năm 1980 và 1990 đã coi khu vực phi chính thức bao gồm các doanh nhân nhỏ, những người lựa chọn phương thức hoạt động phi chính thức để giảm chi phí đăng kí. Khác với hai trường phái nhị nguyên và cấu trúc, quan điểm của trường phái pháp lý cho rằng tính chất phi chính thức có thể xuất phát từ sự tự nguyện từ phía người lao động và các cơ sở dựa trên các phân tích về chi phí - lợi ích (Marc Bacchetta và cộng sự, 2013), chứ không phải do phân khúc sản xuất thấp kém hay do sự phân cấp sản xuất. Nói cách

khác, theo cách tiếp cận mang tính pháp lý, thì khu vực phi chính thức được tạo nên từ các doanh nghiệp siêu nhỏ, hoạt động phi chính thức nhằm thoát khỏi các biện pháp điều chỉnh về kinh tế của các chính phủ. Cách tiếp cận theo trường phái tự do này trái ngược với hai cách tiếp cận ở trên, vì việc lựa chọn vị thế phi chính thức là sự tự nguyện và do chi phí để chính thức hóa và đăng ký kinh doanh quá tốn kém. Nó nhấn mạnh đến việc gia nhập khu vực phi chính thức có thể là sự lựa chọn dựa trên sở thích cá nhân và các đặc điểm của từng loại công việc như đã được nêu ra trong nghiên cứu của Perry và cộng sự năm 2007 (Mireille Razafindrakoto và cộng sự, 2013).

Theo lý giải của Marc Bacchetta và cộng sự, thì những người ủng hộ cách tiếp cận nhị nguyên tập trung nghiên cứu công việc ăn lương phi chính thức, khía cạnh tiền lương thấp và điều kiện làm việc nghèo nàn hơn so với khu vực chính thức, còn những người thuộc trường phái pháp lý lại chỉ ra sự năng động của khu vực này, nhấn mạnh tính chất tự nguyện của phần lớn những người làm việc độc lập ở khu vực phi chính thức. Ba phương pháp tiếp cận trên đều có lý trong việc giải thích các khía cạnh của khu vực kinh tế phi chính thức ở các mức độ khác nhau nhưng một số nghiên cứu thực chứng lại cho thấy, ba phương pháp tiếp cận này không phản ánh đầy đủ bản chất của khu vực kinh tế phi chính thức bởi sự khác biệt liên quan đến vấn đề về địa lý của mỗi quốc gia (Marc Bacchetta và cộng sự, 2013).

Bên cạnh đó, còn có hai quan điểm trái ngược nhau về khu vực kinh tế phi chính thức ở các nước đang phát triển từ góc độ kinh tế học và quan điểm của các nhà nhân học và xã hội học. Từ góc độ kinh tế, sự tồn tại của khu vực này là biểu hiện của hiện tượng phân khúc của thị trường lao động gây ra bởi sự dư thừa lao động có tính cấu trúc và khả năng còn hạn chế của khu vực hiện đại trong việc tạo việc làm cho các khu vực kinh tế thứ cấp. Vì vậy, khu vực này chỉ làm chức năng đơn giản là nơi dự trữ lao động cho khu vực chính thức và có các đặc điểm công việc như lương thấp, điều kiện làm việc bấp bênh và tỉ lệ thiếu việc làm cao. Trái lại, quan điểm thứ hai của các nhà xã hội học và nhân học coi khu vực kinh tế phi chính thức như một khu vực được định hướng bởi các giá trị đạo đức truyền thống, vai trò cá nhân thành công trong kinh doanh...

Gần đây, các nhà kinh tế học đã chỉ ra tính không đồng nhất nội tại của khu vực kinh tế phi chính thức, đặc điểm này cho phép dung hòa hai cách tiếp cận trên. Vì vậy, vấn đề là cần phân biệt hai thành phần của khu vực kinh tế phi chính thức: thành phần đầu tiên (phân khúc thấp) gồm các hoạt động kiếm sống đơn giản, có hiệu quả kinh tế thấp và không có cơ hội tích lũy; và thành phần thứ hai (phân khúc cao) gồm các doanh nhân năng động, có khả năng tạo ra lợi nhuận đáng kể (Mireille Razafindrakoto và cộng sự, 2013).

Những phân tích và tranh luận về các cách tiếp cận trong nghiên cứu kinh

tế phi chính thức trong thời gian qua đã góp phần làm xuất hiện quan điểm nghiên cứu mới về vấn đề này. Ví dụ như Jean-pierre Cling và cộng sự (2013) cho rằng đặc điểm của việc làm trong khu vực phi chính thức thường được coi là việc làm tạm thời trong khi chờ tìm được việc làm khác tốt hơn trong khu vực chính thức. Điều này cho thấy làm việc trong khu vực này cũng là do bắt buộc chứ không phải là sự lựa chọn tự nguyện, mà nguyên do là vì tình trạng thừa lao động ở các nước đang phát triển. Như vậy cần phải nhìn nhận một cách tương đối những kết luận của nhiều nhà nghiên cứu ưu tiên sử dụng phương pháp tiếp cận “pháp lý” trong trường hợp của châu Mỹ Latin, điều đã được đề cập trong nghiên cứu của de Soto năm 1994.

Ngoài ra, có nhà nghiên cứu còn cho rằng cần sử dụng phương pháp tiếp cận kép để xác định chính sách nào sẽ được áp dụng cũng phụ thuộc vào kết quả phán đoán đầu là các yếu tố quyết định tới việc làm trong khu vực phi chính thức. Theo phương pháp tiếp cận mang tính cấu trúc, chính sách kinh tế cần hướng tới cải thiện việc tuân thủ hệ thống các quy định pháp luật, trong khi phương pháp tiếp cận mang tính pháp lý lại đề xuất giảm bớt các quy định và giảm phí đăng ký (Jean-pierre Cling và cộng sự, 2013).

Cuối cùng, một cách tiếp cận tích hợp dựa trên ý tưởng thị trường lao động nhiều phân khúc, gồm phân khúc trên và phân khúc dưới được đưa ra. Theo Marc Bacchetta và cộng sự (2013), cách tiếp cận này kết hợp các quan điểm nhị nguyên, pháp lý và cấu trúc, bằng cách sử dụng các yếu tố thích hợp nhất để giải thích các phân khúc việc làm phi chính thức khác nhau: phân khúc thấp gồm các hộ gia đình và có ít liên hệ với khu vực kinh tế chính thức (trong cách tiếp cận nhị nguyên); phân khúc cao có các doanh nhân nhỏ chủ động tránh thuế và các quy định trong cách tiếp cận pháp lý; và phân khúc trung gian gồm các cơ sở có quy mô siêu nhỏ và nhân công làm thuê cho các công ty lớn như cách tiếp cận cấu trúc. Tùy khu vực hoặc quốc gia, tầm quan trọng tương đối của các phân khúc có thể áp dụng một trong ba quan điểm trên. Từ quan điểm thống nhất này, cuộc tranh luận đã chuyển theo hướng đánh giá quy mô tương đối của các phân khúc khác nhau và các yếu tố ảnh hưởng đến chúng.

Bên cạnh các quan điểm và cách tiếp cận về khu vực phi chính thức vẫn được tiếp tục tranh luận theo hướng áp dụng riêng lẻ hoặc theo kết hợp cả 3 cách tiếp cận tùy vào vấn đề nghiên cứu và bối cảnh kinh tế ở mỗi quốc gia nêu trên, thì có một hướng tiếp cận nghiên cứu khác lại được mở rộng tùy theo nội dung phân tích. Ví dụ nghiên cứu của Mireille Razafindrakoto và cộng sự (2013) về chủ đề “Làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức: tự nguyện hay bắt buộc? Phân tích sự hài lòng về công việc tại Việt Nam”. Đây là nghiên cứu đầu tiên về chủ đề này ở Việt Nam. Phân tích sự hài lòng về công việc được coi là một cách tiếp cận mới mẻ, phong phú và là mảng còn ít được nghiên cứu. Các tác giả này cho rằng cách tiếp cận này có thể vượt ra khỏi khuôn khổ các lý thuyết truyền thống

vốn coi tiền lương là chỉ số duy nhất để đo lường tiện ích thu được từ công việc. Đồng thời khẳng định cách tiếp cận dựa trên sự hài lòng về công việc là một cách hiệu quả để đánh giá chất lượng công việc tại Việt Nam nói riêng và ở các nước đang phát triển nói chung. Hướng tiếp cận này đã tích hợp một cách khá hệ thống trong phân tích yếu tố hài lòng về công việc vào hệ thống các cuộc điều tra thống kê chính thức và có thể mang lại một số kiến giải mới mẻ cho các câu hỏi nghiên cứu và một số gợi ý nhằm xây dựng chính sách kinh tế tốt hơn. Ví như các cơ quan chức năng có thể xây dựng một hệ thống an sinh xã hội không chỉ dành riêng cho lao động hưởng lương mà còn dành cho những người làm việc độc lập muốn hưởng các lợi ích của các chương trình bảo trợ xã hội.

Nghiên cứu của Sylvie Fanchette và Nguyễn Xuân Hoàn (2013) sử dụng cách tiếp cận địa lý, chủ yếu là nghiên cứu định tính để tìm hiểu về sự hội nhập giữa khu vực kinh tế chính thức và khu vực kinh tế phi chính thức trong làng nghề thông qua trường hợp các làng nghề truyền thống ở Đồng bằng sông Hồng (thuộc khu vực Hà Nội) cũng nhấn mạnh đặc điểm không rõ ràng giữa hai khu vực chính thức và phi chính thức do sự liên kết chặt chẽ các doanh nghiệp siêu nhỏ ở các làng nghề giúp cho các doanh nghiệp nhỏ, thông qua hoạt động gia công thuê, tham gia vào hoạt động xuất khẩu sản phẩm thủ công nghiệp như dệt may, đồ gỗ, gốm sứ... Đây là nghiên cứu điển hình áp dụng phương pháp tiếp cận mang tính “cơ cấu”.

Cách tiếp cận trong nghiên cứu của Marc Bacchetta và cộng sự (2013) về các yếu tố quyết định tới việc làm trong lĩnh vực phi chính thức ở Việt Nam trên cơ sở mức độ hài lòng trong công việc và các dự định chuyển sang làm việc khác, được đánh giá là cách tiếp cận nghiên cứu độc đáo nó đã giúp mở rộng tiêu chí tiếp cận khi nghiên cứu về việc làm phi chính thức. Nghiên cứu này không chỉ dừng ở tiêu chí duy nhất là mức thu nhập, điều kiện làm việc, mà còn tính đến tất cả các phương diện liên quan đến việc làm, trong đó có cả mối liên hệ với các hoạt động khác ngoài việc làm.

Ngoài ra, để trả lời cho câu hỏi mang tính chất kinh tế vĩ mô liên quan đến mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế và sự vận động của khu vực phi chính thức có thể sử dụng cả hai phương pháp tiếp cận kinh tế vĩ mô và vi mô. Ví như nghiên cứu của Javier Herrera và Nancy Hidalgo về “Động thái của các cơ sở phi chính thức nhỏ và tình trạng nghèo đói ở Peru: một cách tiếp cận dữ liệu đa chiều” đã thực hiện phương pháp tiếp cận kinh tế vi mô dựa trên cơ sở các dữ liệu thu thập dài hạn từ các điều tra hộ gia đình trong giai đoạn 2002-2010, đã chỉ ra sự đa dạng của các cơ sở trong khu vực phi chính thức. Các tác giả đã nêu lên mối liên hệ chặt chẽ giữa nghèo đói và khu vực phi chính thức, và cho rằng các chính sách phát triển cần quan tâm nhiều hơn tới việc tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển dịch từ khu vực phi chính thức sang khu vực chính thức và tăng năng suất cho khu vực này.

3. Nghiên cứu khu vực kinh tế phi chính thức từ cách tiếp cận giới

Các cách tiếp cận giới trong lĩnh vực lao động việc làm, đặc biệt trong nghiên cứu khu vực kinh tế phi chính thức là rất cần thiết bởi phụ nữ là lực lượng lao động chủ yếu trong khu vực này. Theo Ngô Thị Tuấn Dung (2005), vấn đề giới và việc làm trên thị trường lao động có thể được xem xét từ một số cách tiếp cận lý thuyết, trong đó có 3 quan điểm lý thuyết: kinh tế tân cổ điển về việc làm và sự tách biệt giới tính trên thị trường lao động; quan điểm lý thuyết về thị trường lao động tách biệt; và quan điểm lý thuyết xã hội hoá và tách biệt thị trường lao động. Cụ thể là:

Lý thuyết kinh tế Tân cổ điển: khi xem vấn đề giới và việc làm, lý thuyết kinh tế Tân cổ điển đã chú ý đến chênh lệch mức lương giữa lao động nam và nữ. Sự khác biệt mức lương được sử dụng để giải thích tình trạng bất bình đẳng về nghề nghiệp giữa nam và nữ (G. Becker (1965, 1980, trích lại Ngô Thị Tuấn Dung, 2005). Hạn chế chính của lý thuyết này là không tính đến hoàn cảnh lịch sử, cụ thể, hoặc quá giản đơn hoá hành vi con người... đã bỏ qua hoặc không đề cập đầy đủ các nguyên nhân cơ cấu, bản chất và hậu quả của bất bình đẳng kinh tế đối với lao động nữ, nam có cội rễ từ tổ chức nền tảng xã hội. Mặc dù lý thuyết này đã tính đến yếu tố gia đình và trách nhiệm lao động nữ, công nhận tầm quan trọng của khía cạnh tái sản xuất để giải thích sự tham gia của nữ trên thị trường lao động, nhưng chưa lý giải được vì sao phụ nữ thường tách biệt khỏi cơ cấu thị trường lao động và chịu ảnh hưởng của các quan hệ lao động mang tính gia trưởng (Ngô Thị Tuấn Dung, 2005).

Lý thuyết về thị trường lao động tách biệt: Cách tiếp cận này đi sâu phân tích việc làm phụ nữ, nam giới từ góc độ tổ chức thị trường lao động, lý giải đặc điểm, xu hướng phân chia trong dân số lao động và chức năng... Đặc biệt, lý thuyết này lấy gia đình làm điểm xuất phát để giải thích mối liên quan giữa trách nhiệm của phụ nữ với gia đình và công việc ở các lĩnh vực kinh tế khác nhau... Nhược điểm chính của lý thuyết này là nó được xây dựng chủ yếu trên quan điểm về mô hình công nhân công nghiệp lành nghề là nam giới trong thị trường lao động, vì thế chưa xem xét đầy đủ mọi khía cạnh việc làm của phụ nữ, nhất là vấn đề kỹ năng và đào tạo. Vì vậy nó không phù hợp khi phân tích lĩnh vực dịch vụ hay một số ngành khác thu hút nhiều lao động nữ; đồng thời chưa chú ý làm rõ yếu tố giới khi phân tích về thị trường lao động, trong đó có vấn đề giải thích vì sao phụ nữ thường đứng ở vị trí thứ hai trong thị trường lao động, và xu hướng thay đổi vị trí việc làm nhiều hơn nam giới (Ngô Thị Tuấn Dung, 2005).

Quan điểm nghiên cứu nữ quyền và giới nhấn mạnh tới các đặc điểm giới và vị thế kinh tế, xã hội ảnh hưởng nhất định đến vị trí cá nhân trong nhóm nghề nghiệp hay lĩnh vực hoạt động nào đó. Vị trí nam giới thường mạnh hơn nữ ở bất kỳ lĩnh vực hoặc tách biệt lao động theo chiều ngang hay dọc. Sự khác biệt giữa hai giới tính không nên hiểu một cách đơn giản mà cần phải xem xét và đặt trong bối cảnh lịch sử phát triển chủ nghĩa tư

bản và chế độ gia trưởng. Do vậy, khi nghiên cứu về vấn đề giới trong thị trường việc làm cần vận dụng cả quan điểm lý thuyết gia trưởng và tiếp cận giới để phân tích và giải thích đầy đủ vấn đề giới trên thị trường lao động (Delphy (1984), Walby (1986), trích lại từ Ngô Thị Tuấn Dung, 2005). Tuy nhiên, Ngô Thị Tuấn Dung (2005) cũng cho rằng các nghiên cứu trên đã bộc lộ một số hạn chế như chưa chú ý làm rõ những khác biệt về kinh nghiệm công việc như nhau của hai giới, đặc điểm về hình thức lao động bán thời gian của lao động nữ, hoặc tác động của phân công lao động theo giới tính về hình mẫu việc làm, độ ổn định, mong muốn chuyển đổi, sự thăng tiến trong thị trường lao động... của cả hai giới.

Lý thuyết xã hội hoá và tách biệt thị trường lao động: Vấn đề giới trong lao động việc làm cũng đã được tiếp cận từ quan điểm lý thuyết xã hội hoá và tách biệt thị trường lao động. Quan điểm này tập trung đề cập và lý giải các tác động từ yếu tố văn hoá - xã hội đến sự tham gia và vị trí phụ nữ trên thị trường lao động. Theo đó, quá trình xã hội hoá theo vai trò, khuôn mẫu giới truyền thống và kì vọng xã hội thường hướng trẻ em gái và trai vào các ngành nghề, ảnh hưởng đến sự lựa chọn và tham gia việc làm khi trưởng thành. Nhận thức xã hội về uy tín, vị thế nghề nghiệp, bình đẳng trong môi trường công việc cũng có ảnh hưởng nhất định trong tách biệt nghề nghiệp (Ngô Thị Tuấn Dung, 2005). Tác giả này cho rằng để giải thích đầy đủ vấn đề giới và việc làm, điều quan trọng chính là vấn đề bất bình đẳng giới trong lĩnh vực lao động, việc làm cần được xem xét phân tích một cách đầy đủ và mang tính liên ngành từ nhiều góc độ như kinh tế, xã hội, văn hoá, bởi phân công lao động theo giới trong doanh nghiệp hay nền kinh tế nói chung, không chỉ đơn giản được cấu trúc theo các lợi ích kinh tế khác nhau của cá nhân hoặc doanh nghiệp/chủ sử dụng lao động, mà còn do các yếu tố chính trị, văn hóa - xã hội như hệ tư tưởng, đặc điểm văn hoá, tập quán.

4. Kết luận

Tóm lại, để nhận diện đầy đủ về khu vực kinh tế phi chính thức các nhà nghiên cứu có thể áp dụng từng cách tiếp cận riêng lẻ hoặc kết hợp nhiều cách tiếp cận tùy thuộc vào vấn đề nghiên cứu, vào bối cảnh kinh tế ở mỗi quốc gia và mở rộng tùy theo nội dung phân tích cụ thể. Và cho đến nay các quan điểm về khu vực phi chính thức vẫn được tiếp tục tranh luận và mở ra những hướng tiếp cận mới, cho thấy sự cần thiết trong việc áp dụng các quan điểm lý thuyết trong các nghiên cứu về chủ đề này liên quan đến định hướng chính sách, nghiên cứu cơ bản, chương trình can thiệp nhằm đảm bảo tham gia vào thị trường lao động của cả hai giới được bình đẳng một cách đầy đủ, nhất là đặc biệt chú ý tới tính chất việc làm đa dạng của phụ nữ ở khu vực phi chính thức.

Trong bối cảnh thiếu hụt các nghiên cứu về khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam nói chung và các nghiên cứu tiếp cận giới trong lĩnh vực

lao động việc làm, nhất là ở khu vực kinh tế phi chính thức nói riêng cho thấy sự cần thiết cần áp dụng các cách tiếp cận lý thuyết để lý giải đầy đủ hơn về khu vực kinh tế phi chính thức, áp dụng quan điểm giới để làm rõ sự bất lợi của phụ nữ trong quá trình tham gia vào thị trường việc làm so nam giới về cơ hội việc làm, thu nhập... góp phần hoàn thiện luật pháp, chính sách hay chương trình hỗ trợ, tạo môi trường thuận lợi cho tăng trưởng kinh tế và thực hiện công bằng và bình đẳng cho người lao động nam, nữ. ■

Tài liệu trích dẫn

- Javier Herrera, Nancy Hidalgo. 2013. “Động thái của các cơ sở phi chính thức nhỏ và tình trạng nghèo đói ở Peru: một cách tiếp cận dữ liệu đa chiều”. Trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Jean-pierre Cling và các tác giả khác. Nxb.Tri thức, Hà Nội. trang 405-440.
- Jean-pierre Cling, Đỗ Hoài Nam, Stéphane Lagrée, Mireille Razafindrakoto, Fran#ois Roubaud. 2013. *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Nxb.Tri thức, Hà Nội.
- Marc Bacchetta, Ekkehard Ernst và Juana P. Bustamante. 2013. “Toàn cầu hóa và việc làm phi chính thức tại các nước đang phát triển”. Trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Jean-pierre Cling và các tác giả khác. Nxb.Tri thức, Hà Nội. trang 441-462.
- Mireille Razafindrakoto, Fran#ois Roubaud, Jean-Michel Wachsberger. 2013. “Làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức: tự nguyện hay bắt buộc? Phân tích sự hài lòng về công việc tại Việt Nam”. Trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*. Jean-pierre Cling và các tác giả khác. Nxb.Tri thức, Hà Nội, trang 73-105.
- Mireille Razafindrakoto, Fran#ois Roubaud, Lê Văn Duyệt. 2012. *Thống kê khu vực kinh tế phi chính thức ở Việt Nam: Thực trạng và triển vọng*, <http://vienthongke.vn/thong-tin-khoa-hoc/chuyen-san/110-nam-2008-chuyen-san-thong-ke-khu-vuc-phi-chinh-thuc/487-gioi-thieu-cac-khai-niem-chuan-quoc-te-lien-quan-den-khu-vuc-phi-chinh-thuc>
- Ngô Thị Tuấn Dung. 2005. “Giới và việc làm trên thị trường lao động một số tiếp cận lý thuyết”. *Tạp chí Khoa học về Phụ nữ*, số 4/2005, trang 10-20.
- Nguyễn Bá Ngọc, Trần Văn Hoan. 2002. *Toàn cầu hóa: Cơ hội và thách thức đối với lao động Việt Nam*. Nxb. Lao động - Xã hội, Hà Nội.
- Nguyễn Hữu Chí, Nguyễn Thị Thu Huyền 2012. *Khu vực phi chính thức trong thống kê tài khoản quốc gia: Một số vấn đề về phương pháp luận*. <http://vienthongke.vn/thong-tin-khoa-hoc/chuyen-san/110-nam-2008-chuyen-san-thong-ke-khu-vuc-phi-chinh-thuc/485-khu-vuc-phi-chinh-thuc-trong-thong-ke-tai-khoan-quoc-gia-mot-so-van-de-ve-phuong-phap-luan>.
- Sylvie Fanchette, Nguyễn Xuân Hoàn. 2013. “Hội nhập giữa khu vực kinh tế chính thức và khu vực kinh tế phi chính thức trong làng nghề”. Trong *Kinh tế phi chính thức tại các nước đang phát triển*, Jean-pierre Cling và các tác giả khác. Nxb.Tri thức, Hà Nội, trang 137-162.
- Nguyễn Thị Thu Huyền và Nguyễn Hữu Chí. 2008. *Giới thiệu các khái niệm chuẩn quốc tế liên quan đến việc làm phi chính thức*,